

LUẬN A TỶ ĐẠT MA CÂU XÁ

QUYỂN 16

Phẩm 4: PHÂN BIỆT NGHIỆP (PHẦN 4)

Kinh dạy có bốn loại nghiệp là: 1. Nghiệp đen, dị thực đen; 2. nghiệp trắng, dị thực trắng; 3. Nghiệp đen trắng, dị thực đen trắng; 4. Nghiệp không đen không trắng, không có dị thực đen hay trắng, nhưng có khả năng hủy diệt các loại nghiệp khác.

Tướng của chúng thế nào ?

Tụng nêu: (Âm Hán)

*Y hắc hắc đẳng thù
Sở thuyết tứ chủng nghiệp
Ác Sắc Dục giới thiện
Năng tận bỉ vô lậu
Ứng tri như thứ đệ
Danh hắc bạch câu phi.*

Dịch nghĩa:

*Dựa đen, đen khác nhau
Để nói bốn loại nghiệp
Ác Dục Sắc, giới thiện,
Vô lậu trừ được hết
Cứ theo thứ tự nói
Đen, trắng, không đen trắng.*

(Dựa vào sự khác nhau giữa đen v.v... để nói về bốn loại nghiệp: Nghiệp ác và thiện của Dục giới, nghiệp thiện của Sắc giới. Nghiệp vô lậu có khả năng đoạn trừ các loại trên. Theo thứ tự trên ấy chúng được gọi là đen, trắng, không đen trắng).

Luận: Đức Phật dựa vào tánh loại quả của nghiệp không đồng, sở trị, năng trị khác nhau nên nói có bốn loại đen, trắng v.v... Nghiệp bất thiện vốn thuộc loại nhiễm ô nên hoàn toàn đen, dị thực của nó vốn là

khổ (bất khả ý) nên cũng thuộc về đen.

Nghiệp thiện hệ thuộc Sắc giới vì không hỗn tạp với điều ác nên hoàn toàn trắng, có dị thực vốn là quả đáng ưa nên cũng thuộc về trắng.

Vấn nạn: Tại sao không nói đến loại nghiệp thiện hệ thuộc Vô sắc giới?

Giải thích: Vì theo truyền thuyết tức trả lời của các luận sư thuộc nhóm thứ ba của Tỳ-bà-sa, tính chất “trắng” chỉ áp dụng cho loại nghiệp chiêu cảm hai loại dị thực ở trung hữu và sinh hữu, đồng thời bao hàm ba nghiệp của thân, ngữ và ý. Trong khi đó, nghiệp thuộc Vô sắc giới không có các tính chất này.

Chất vấn: Nhưng kinh có nói nghiệp thuộc Vô sắc giới là trắng và dị thực của nó cũng trắng?

Nghiệp thiện nơi Dục giới vốn hỗn tạp với điều ác nên gọi là đen trắng, dị thực của nó cũng hỗn tạp với quả phi ái vì thế thuộc về đen trắng.

Định nghĩa này hàm ý không xét về mặt tự tánh của nghiệp mà chỉ xét về chuỗi tâm tương tục hoặc thân là chỗ dựa, có nghĩa là trong cùng một chuỗi tương tục của tâm, nghiệp thiện có lẫn lộn cả nghiệp bất thiện, chứ không phải có một loại nghiệp vừa đen vừa trắng và cũng không có loại dị thực vừa đen vừa trắng đối nghịch nhau.

Vấn nạn: Há không là quả của nghiệp ác lẫn lộn với quả của nghiệp thiện, vậy cũng phải được xem như là vừa đen vừa trắng?

Giải thích: Quả của nghiệp ác không nhất thiết phải lẫn lộn với quả của nghiệp thiện, nhưng ở Dục giới thì quả của nghiệp thiện nhất định phải có quả của nghiệp ác lẫn vào, vì ở giới này nghiệp ác mạnh hơn nghiệp thiện.

Nghiệp vô lậu có thể phá hủy vì nhiễm ba loại nghiệp trước. Vì không bị nhiễm ô nên không phải đen, và vì không có dị thực nên không phải trắng, tức là “không trắng” (phi bạch).

Kinh sử dụng thành ngữ “không trắng” là có mật ý. Đức Thế Tôn muốn chỉ rõ nghiệp vô lậu không phải là nghiệp trắng. Trong kinh Đại Không, Phật bảo A-nan đà, các pháp thuộc A-la-hán (chư Vô học pháp) hoàn toàn trắng, hoàn toàn thiện, hoàn toàn không có tỳ vết”. Và Bản luận cũng có viết: “Pháp trắng là gì? Là các pháp thiện và các pháp vô phú vô ký”.

Nghiệp vô lậu không có dị thực vì nó không hệ thuộc ba cõi, nó chấm dứt tiến trình của hiện hữu (lưu chuyển pháp tánh).

Hỏi: Có phải tất cả các nghiệp vô lậu đều có thể phá hủy tất cả các nghiệp thuộc ba loại đầu (là đen, trắng và vừa đen vừa trắng) không?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Tứ pháp nhãn ly dục
Tiền bát vô gián câu
Thập nhị vô lậu tư
Duy tận thuần hắc nghiệp
Lìa dục tứ tinh lự
Đệ cửu vô gián tư
Nhất tận tạp thuần hắc
Tứ linh thuần bạch tận.*

Dịch nghĩa:

*Bốn pháp nhãn lìa dục
Tám trước đều vô gián.
Mười hai vô lậu tư
Chỉ tận trừ nghiệp đen
Lìa dục bốn tinh lự
Thứ chín vô gián tư.
Một: hết nghiệp trắng đen
Bốn khiến hết nghiệp trắng.*

(Tương đương với bốn pháp nhãn và tám đạo vô gián lìa dục là mười hai tư vô lậu, chỉ đoạn trừ nghiệp đen. Tương đương với đạo vô gián thứ chín lìa bỏ Dục giới và tứ tinh lự là loại tư, đoạn tận nghiệp đen trắng, nghiệp đen, và đoạn tận nghiệp trắng).

Luận: Bốn loại tư tương đương với bốn loại pháp trí nhãn thuộc về con đường kiến đế (kiến đạo), tám loại tư tương đương với tám con đường đoạn trừ đầu tiên (đạo vô gián) ở giai đoạn lìa bỏ Dục giới (lìa dục nhiệm vị). Tất cả mười hai loại tư trên, tức cũng với số nghiệp vô lậu như vậy, đều có khả năng đoạn trừ nghiệp ác.

Loại tư tương đương với con đường đoạn trừ thứ chín (đệ cửu đạo vô gián) chính là nghiệp vô lậu phá hủy hai loại nghiệp đen trắng và nghiệp đen, vì đây là thời điểm hủy diệt toàn bộ nghiệp thiện của Dục giới (nghiệp đen trắng) cũng như loại nghiệp ác thứ chín (nghiệp đen cuối cùng).

Loại tư của con đường đoạn trừ thứ chín và cũng là con đường cuối cùng dẫn khởi sự lìa bỏ nhiệm của mỗi một tầng thiền trong bốn Tinh lự tức có tất cả bốn loại tư hủy diệt các nghiệp trắng.

Vấn nạn: Tám Thánh đạo đầu tiên ở giai đoạn xả lìa Dục giới phá hủy loại nghiệp đen. Nhưng về loại nghiệp đen trắng và loại nghiệp trắng, tức nghiệp hữu lậu thiện, tại sao các ông lại cho chỉ có Thánh đạo thứ chín mới có khả năng phá hủy chúng?

Giải thích: Nếu nói thật chính xác thì không có sự đoạn trừ pháp thiện, vì ngay cả khi đã bị đoạn, pháp thiện vẫn có thể hiện khởi trở lại, tuy nhiên, khi loại phiền não lấy pháp này làm đối tượng duyên bị hủy diệt thì người ta nói pháp thiện cũng bị đoạn trừ. Như vậy, chừng nào nhóm phiền não cuối cùng này chưa bị diệt thì pháp thiện này vẫn được xem như chưa đoạn trừ. (Chính Thánh đạo thứ chín mới có khả năng đoạn trừ sự đạt được của nhóm phiền não thứ chín liên quan đến từng địa (Dục giới, tinh lự) và nhờ vậy mới đạt được sự lìa bỏ đối với loại phiền não này).

Tụng nêu: (Âm Hán)

*Hữu thuyết địa ngục thọ
Dư Dục nghiệp hắc tạp
Hữu thuyết Dục kiến diệt
Dư Dục nghiệp hắc câu.*

Dịch nghĩa:

*Nghiệp thọ ở địa ngục.
Còn Dục giới xen lộn
Nghiệp Dục thuộc Kiến đoạn
Nghiệp Dục khác gồm đủ.*

(Có thuyết nói nghiệp được thọ ở địa ngục. Ở các nơi khác của Dục giới, thuộc loại đen, hỗn tạp. Có thuyết nói nghiệp Dục giới thuộc kiến đoạn. Các nghiệp Dục giới khác thuộc loại đen, vừa đen vừa trắng).

Luận: Theo các luận sư khác, loại nghiệp “chắc chắn được cảm thọ ở địa ngục”, thuận địa ngục thọ thuộc về loại nghiệp đen, và loại nghiệp được cảm thọ ở Dục giới, tức ở những nơi nằm ngoài địa ngục, đều thuộc loại nghiệp đen trắng.

Quả báo dị thực địa ngục chỉ chiêu cảm loại nghiệp ác (bất thiện) vì thế loại nghiệp thuận theo cảm thọ ở địa ngục là loại nghiệp đen. Quả báo dị thực ở Dục giới, trừ địa ngục ra, đều chiêu cảm vì loại nghiệp có cả thiện và ác vì thế loại này thuộc nghiệp đen trắng.

Theo các luận sư khác, loại nghiệp được đoạn trừ do kiến đạo vì không lẫn lộn với nghiệp thiện nên đều thuộc loại đen (thuần hắc). Tất cả các nghiệp khác hệ thuộc Dục giới, tức là các nghiệp được đoạn trừ do tu đạo, đều thuộc loại đen trắng (câu nghiệp).

Kinh nói: “Có ba loại thanh tịnh, lia thanh tịnh của thân ngữ Ý”
Lại kinh nói: “Có ba loại Mâu-ni”. Tướng thế nào:

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Vô học thân ngữ nghiệp
Túc ý tam mâu ni
Tam thanh tịnh ứng tri
Túc chư tam hạnh diệu.*

Dịch nghĩa:

*Vô học thân ngữ nghiệp
Ý là ba mâu-ni.
Nên biết ba thanh tịnh.
Chính là ba hạnh hạnh.*

(Nghiệp thân, nghiệp ngữ và ý của bậc Vô học là ba loại mâu-ni tịch tĩnh. Ba loại thanh tịnh chính là ba hạnh diệu).

Luận: Những gì được gọi là sự tịch tĩnh của thân, sự tịch tĩnh của nghiệp chính là thân nghiệp và ngữ của A-la-hán. Những gì được gọi là sự tịch tĩnh của ý chính là ý, là tâm của A-la-hán, chứ không phải ý nghiệp. Vì tâm chính là sự tịch tĩnh chân thực (thắng nghĩa mâu-ni). Tỳ-bà-sa nói dựa vào nghiệp thân ngữ người ta có thể suy luận mà biết được tâm là như thế, tâm là Vô học.

Luận chủ: Nhưng thế tánh của thân nghiệp và ngữ nghiệp của A-la-hán là lia bỏ trong khi ý nghiệp lại không có tánh lia bỏ vì không có ý vô biểu. Như vậy cái được gọi là sự tịch tĩnh cũng chính là sự lia bỏ, vì thế, khi ý có khả năng lia bỏ thì cũng phải được gọi là tịch tĩnh.

Hơn nữa, tại sao chỉ có ý của A-la-hán mới được gọi tên như thế? Vì A-la-hán chính là người tịch tĩnh đích thực (thực mâu ni) nhờ đã vĩnh viễn chấm dứt mọi vang động của phiền não .

Kinh nói: “Có ba loại thanh tịnh là thanh tịnh của thân, thanh tịnh của ngữ và thanh tịnh của ý”.

Những hành động tốt của thân, tất cả những hành động tốt của thân, dù hữu lậu hay vô lậu, đều là sự thanh tịnh của thân, vì dù tạm thời hay vĩnh viễn, chúng vẫn có thể xóa bỏ sự nhiễm ô của các phiền não và của các hành động xấu.

Đối với các hành động của ngữ và ý cũng như vậy.

Lời dạy này có ý răn dạy những người lầm tưởng sự tịch tĩnh hư ngụy (tà mâu ni) là sự tịch tĩnh chân thực, sự thanh tịnh giả dối là sự thanh tịnh chân thực.

Kinh nói có ba loại hạnh ác.

Tụng nêu: (Âm Hán)

*Ác thân ngữ ý nghiệp
Thuyết danh tam hạnh ác
Cập tham sân tà kiến
Tam hạnh diệu phiến thử.*

Dịch nghĩa:

*Nghiệp ác thân, ngữ ý
Gọi là ba hạnh ác, Và
tham, sân, tà kiến
Ngược lại ba hạnh diệu.*

(Các nghiệp thân ngữ ý bất thiện gọi là ba hạnh ác và tham, sân, tà kiến. Ngược lại là ba hạnh diệu).

Luận: Các nghiệp bất thiện của thân chính là hạnh ác của thân. Đối với ngữ và ý cũng như vậy.

Ngoài ra còn có ba hạnh ác của ý nhưng tự tánh của chúng không phải là nghiệp ý. Đó là sự tham lam (tham), sự tàn ác (sân) và tà kiến. Vì chúng có “thể” riêng ngoài tư.

Tỷ dụ sư nói tham, sân và tà kiến chính là ý nghiệp vì chúng đều được xem là ý nghiệp như trong kinh Cổ Tư nói.

Tỳ-bà-sa: Nếu vậy, phiền não và nghiệp sẽ chỉ là một pháp (hợp thành nhất thể)?

Tỷ dụ sư: Nếu chỉ là một pháp thì có gì sai?

Tỳ-bà-sa: Nếu thừa nhận phiền não là nghiệp tức trái với kinh và định nghĩa của kinh về nghiệp. Khế kinh mà các ông dẫn chứng ở trên khi nói “tham” có ý chỉ cho tư là vì tư hiện khởi dưới tác động của tham.

Vì tham, sân và tà kiến chiêu cảm khổ quả (phi ái quả), vì chúng bị những người hiểu biết (thông tuệ giả) chê trách, những hành động của thân, ngữ và ý đều bất thiện, vì thế chúng được gọi là hạnh ác.

Trái ngược với hạnh ác là các hạnh diệu, tức các nghiệp của thân, ngữ và ý, cộng thêm vô tham, vô sân và chánh kiến.

Hỏi: Làm sao có thể xem tà kiến và chánh kiến là ác, là thiện được? Vì tà kiến thì không có ý (vô cố tư) làm hại người khác, và chánh kiến cũng không có ý làm lợi cho người khác.

Đáp: Dĩ nhiên là như vậy, nhưng chúng lại là gốc rễ của hai loại tư trên. Kinh nói có mười nghiệp đạo thiện và ác. Tương thế nào?

Tụng đáp: (Âm Hán)

Sở thuyết thập nghiệp đạo

*Nhiếp hạnh ác diệu trung
Thô phẩm vi kỳ tánh
Như ưng thành thiện ác.*

Dịch nghĩa:

*Nói về mười nghiệp đạo
Gồm cả ác, diệu hạnh.
Thô là tính của nó
Nên mới thành thiện ác.*

(Mười nghiệp đạo được nói đến bao gồm các hạnh ác và hạnh diệu . Có tính chất thô hiển nên mới thành thiện, ác).

Luận: Về mười nghiệp đạo, kinh đã định nghĩa các nghiệp đạo thiện bao gồm những hạnh diệu thô hiển nhất, dễ thấy nhất trong số các hạnh diệu, và các nghiệp đạo bất thiện bao gồm những hạnh ác thô hiển nhất trong số các hạnh ác.

Hỏi: Những hạnh ác và hạnh diệu nào không được bao gồm trong các nghiệp đạo?

Đáp: Đó là một phần các hạnh ác của thân, gồm: 1. Các nghiệp đạo gia hạnh và hậu khởi của thân; 2. Một số nghiệp nhiễm ô của thân, như uống rượu, đánh đập, trói bắt v.v... Vì các hạnh này không quá thô hiển. Trong số các hạnh ác của thân, chỉ có những hạnh ác như tước đoạt mạng sống, tiền của, vợ con của người khác mới là nghiệp đạo vì chúng là loại hạnh ác cần phải lìa bỏ.

Những hạnh ác thô hiển nhất trong số các hạnh ác của ngữ cũng được gọi là nghiệp đạo với những lý do như trên, tức không bao hàm các nghiệp gia hạnh, hậu khởi và các nghiệp nhẹ.

Một phần hạnh ác thuộc về ý, tức là tư, và tham nhẹ v.v... cũng không được bao hàm trong các nghiệp đạo bất thiện.

Những hạnh diệu không được bao gồm trong các nghiệp đạo là: 1. Một phần hạnh diệu của thân: tức gia hạnh, hậu khởi, từ bỏ uống rượu v.v..., bố thí, lễ bái v.v...; 2. Một phần hạnh diệu của ngữ, như ái ngữ v.v...; 3. Một phần hạnh diệu của ý, như thiện tư. Bảy nghiệp đạo trước (ba của thân, bốn của miệng) trong mười nghiệp đạo có biểu, vô biểu nghiệp thế nào?

Tụng nêu: (Âm Hán)

*Ác lục định vô biểu
Bỉ tự tác dâm nhị
Thiện thất thọ sinh nhị
Định sinh duy vô biểu.*

Dịch nghĩa:

*Sáu nghiệp ác vô biểu
Tự tác, tà tâm, cả hai.
Thiện bảy thụ sinh hai
Định sinh chỉ vô biểu.*

(Sáu nghiệp đạo ác chỉ là vô biểu. Tự tác, tà tâm có cả hai loại. Bảy nghiệp đạo thiện sinh từ thọ có hai loại. Nếu sinh từ định chỉ là vô biểu).

Luận: Khi sai khiến người khác tạo tác sáu loại nghiệp đạo giết hại, trộm cắp, nói dối, nói lời ly gián, nói lời ly gián, nói lời tạp nhạp như bản thì sáu nghiệp đạo này chỉ là vô biểu. Người sai khiến người khác tạo tác các hành động trên không có loại biểu nghiệp căn bản, tức loại hành động tự mình giết hại v.v...

Tà tâm luôn luôn có cả biểu và vô biểu vì hành động này phải do tự thân tạo tác. Khi sai khiến người khác phạm tội này thì không có loại hỷ như khi tự mình phạm phải.

Khi chính bản thân tạo tác các hành động trên thì cả sáu loại nghiệp đạo đều có biểu và vô biểu nếu như cái chết xảy ra vào cùng thời điểm của biểu nghiệp (có nghĩa là vào đúng thời điểm mà người ta muốn giết, nếu cái chết xảy ra muộn hơn thì chỉ có vô biểu).

Trong số các nghiệp đạo thiện thì bảy nghiệp đạo thuộc sắc, tất cả các nghiệp đạo của thân và ngữ, đều có cả hai loại biểu và vô biểu. Vì giới được thọ trì phụ thuộc vào biểu nghiệp.

Nếu sinh khởi từ định thì nghiệp đạo chỉ có vô biểu. Đó là các nghiệp đạo được bao hàm trong “pháp tánh thi-la”, tức được bao hàm trong loại luật nghi tịnh lự và luật nghi vô lậu. Hai loại luật nghi này chỉ phụ thuộc vào tâm vì thế các nghiệp đạo này không phải là biểu nghiệp.

Hỏi: Gia hạnh và hậu khởi có giống như nghiệp hoặc nghiệp đạo căn bản không?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Gia hạnh định hữu biểu
Vô biểu hoặc hữu vô
Hậu khởi thử tương vi.*

Dịch nghĩa:

*Gia hạnh là hữu biểu
Vô biểu có hoặc không
Đã khởi rồi thì khác.*

(Gia hạnh chắc chắn là biểu và có thể là vô biểu hoặc không. Trái lại là hậu khởi).

Luận: Nghiệp tiên khởi là các nghiệp chuẩn bị (gia hạnh) cho loại nghiệp đạo thuộc về Dục giới và luôn luôn có biểu nghiệp.

Khi chúng được tạo tác do loại phiền não mạnh hoặc với một niềm tin cực mạnh (đôn tịnh tâm) thì có vô biểu, nếu không phải như vậy tức không có vô biểu.

Trái lại, các nghiệp hậu khởi đều là vô biểu. Chúng chỉ là biểu khi thuận theo nghiệp đạo trước đã thành tựu trái lại đây thì không có.

Hỏi: Nghiệp đạo gia hạnh, căn bản, và hậu khởi được lập thành như thế nào?

Đáp: Như trong trường hợp vì muốn giết một con vật cho nên một người liền ra khỏi giường, cầm tiền, đi đến chợ, sờ mó con vật, trả tiền mua, dắt con vật về, lôi kéo nó, dẫn nó vào nhà, ngược đãi nó, cầm dao, đánh đập nó một lần, hai lần cho đến khi giết chết nó, thì tất cả những hành động xảy ra trước khi con vật bị giết chết đều thuộc về gia hạnh.

Đúng vào lúc người này lấy mạng của con vật, tức là khi con vật chết, thì biểu nghiệp của sát-na này và vô biểu nghiệp cùng thời với biểu nghiệp này chính là nghiệp đạo căn bản, vì do hai nhân mà con người bị tội giết hại xúc phạm: đó là do gia hạnh và do thành tựu quả (của gia hạnh).

Những sát-na kế tiếp, tức những sát-na của vô biểu do hành động giết hại tạo nên, được gọi là hậu khởi, chuỗi sát-na tương tục của các biểu nghiệp như lột da, cạo lông, cân, bán, nấu nướng, ăn, khen ngon cũng thuộc hậu khởi.

Đối với sáu loại nghiệp đạo còn lại của thân và ngữ cũng có thể giải thích như trên, với những thay đổi cần thiết cho từng trường hợp.

Đối với tham, sân và tà kiến thì không thể phân thành gia hạnh và hậu khởi vì vào sát-na chúng hiện khởi thì chỉ với sự hiện diện này chúng đã là nghiệp đạo căn bản.

Vấn nạn: Một vấn đề được đặt ra ở đây là có phải nghiệp đạo được tạo thành do biểu và vô biểu thuộc về sát-na con vật ở vào tử hữu, tức là vào sát-na con vật bị chết, hay đó là biểu và vô biểu thuộc về sát-na con vật đã chết, tức là sau khi con vật bị giết chết? Nếu các ông thừa nhận trường hợp đầu thì một người chỉ phạm tội giết hại khi chết cùng một lúc với con vật bị giết (câu thời mạng chung), nhưng đây lại là điều mà tông phái các ông không thừa nhận. Trong trường hợp sau thì các ông đã sai lầm khi nói: “Đúng vào lúc người này lấy mạng con

vật thì biểu nghiệp của sát-na này và vô biểu nghiệp cùng thời với biểu nghiệp này chính là nghiệp đạo căn bản”. (Lẽ ra các ông phải nói: “Biểu nghiệp khởi khi con vật đã chết...”).

Hơn nữa, nếu các ông thừa nhận trường hợp sau tức sẽ mâu thuẫn với giải thích của Tỳ-bà-sa về câu: “khi gia hạnh chưa mất” ở trong Bản luận. Bản luận nói: “Có phải một chúng sinh đã bị giết chết (đĩ hại sinh) mà hành động giết chết vẫn chưa chấm dứt không? Đúng như vậy, khi một chúng sinh đã bị lấy đi mạng sống mà gia hạnh (sát sinh) vẫn chưa mất”. Tỳ-bà-sa giải thích trong đoạn văn này vốn thường hàm nghĩa là sự chuẩn bị nhưng ở đây lại có nghĩa là “hậu khởi”. Và như vậy là các ông đã mâu thuẫn với giải thích này vì nếu đặt nghiệp đạo căn bản vào sát-na con vật đã chết thì nghiệp đạo căn bản, theo quan niệm của các ông, vẫn chưa chấm dứt vào sát-na con vật đã chết. Các ông đã diễn dịch chữ gia hạnh của Bản luận với nghĩa là nghiệp căn bản.

Tỳ-bà-sa: Cần phải giải thích Bản luận như thế nào mới không sai lầm. Đoạn văn trên, chính là nói nghiệp đạo căn bản.

Luận chủ: Nhưng làm thế nào biểu nghiệp ở sát-na con vật đã chết lại có thể là nghiệp đạo căn bản?

Tỳ-bà-sa: Tại sao không thể như vậy?

Luận chủ: Vì biểu nghiệp không còn có tác dụng. (Con vật đã chết, và người ta không thể giết chết nó một lần nữa).

Tỳ-bà-sa: Nếu như vậy thì vô biểu, vốn luôn luôn không có tác dụng, làm thế nào trở thành nghiệp đạo? Điều khiến cho một biểu nghiệp và một vô biểu nghiệp trở thành nghiệp đạo không phải là tác dụng của chúng, mà chính là vì chúng đã hiện khởi vào sát-na thành tựu quả của gia hạnh.

Hỏi: Một nghiệp đạo có thể là gia hạnh hoặc hậu khởi của một nghiệp đạo khác không?

Đáp: Có thể. Chẳng hạn như mười nghiệp đạo có thể là gia hạnh của sự giết hại. Một người vì muốn giết chết kẻ thù của mình, và để cho việc làm này chắc chắn thành công, có thể lấy cắp của cải của người khác và giết thú vật làm tế lễ cầu thần, với của cải lấy cắp, người này có thể phạm tội gian dâm với vợ của kẻ thù, xúi giục vợ kẻ thù trở thành kẻ tông phạm, dùng lời lẽ dối trá, ly gián, sỉ nhục, bậy bạ để gây bất hòa giữa kẻ thù với những bạn bè có khả năng hỗ trợ cho kẻ thù, người này tham lam của cải của kẻ thù, khởi tâm sân hận đối với kẻ thù, nuôi dưỡng tà kiến đối với nghiệp sát mà người này đang muốn tạo tác. Giống như trường hợp mười nghiệp đạo có thể làm hậu khởi cho

nghiệp giết hại thì đối với các nghiệp trộm cắp v.v... cũng như vậy.

Luận chủ: Nhưng tham, sân và tà kiến không bao giờ làm gia hạnh vì chúng không phải là sự khởi đầu của hành động, và chúng cũng không có gia hạnh vì chúng chỉ là sự sinh khởi của tâm.

Kinh nói: “Này Bí-sô, có ba loại giết hại, đó là các loại xuất phát từ tham, sân hoặc si”, cho đến “Này Bí-sô, có ba loại tà kiến”. Ở đây cần phải giải thích những sự giết hại v.v... khác nhau này là gì.

Không phải tất cả các nghiệp đạo đều được thành tựu do tham, sân và si.

Tụng nêu: (Âm Hán)

*Gia hạnh tam căn khởi
Bỉ vô gián sinh cố
Tham đẳng tam căn tánh.*

Dịch nghĩa:

*Ba căn khởi gia hạnh
Sinh khởi không gián đoạn
Tham v.v... cũng ba căn sinh.*

(Gia hạnh khởi từ ba căn. Vì khởi liền sau ba căn này nên tham v.v... cũng sinh từ chúng).

Luận: Gia hạnh của tất cả các nghiệp đạo đều có thể sinh từ ba căn. Trong các lời dạy trước đây, Đức Thế Tôn đã nói đến nguyên nhân đầu tiên, tức loại nguyên nhân tạo thành nguồn gốc (đẳng khởi) của nghiệp đạo:

1. Sự giết hại khởi từ tham, như trường hợp giết hại để lấy đi một bộ phận của thú vật, giết hại để lấy tiền của, giết hại để tìm vui (hý lạc), giết hại để tự vệ, để bảo vệ bạn bè.

Sự giết hại khởi từ sân vì muốn thỏa mãn lòng hận thù.

Sự giết hại khởi từ si, vì xem sự hy sinh là một hành động đáng làm: như trường hợp của một vị vua, đã dựa vào quyền lực của pháp luật (thế pháp luật) để giết hại vì nghĩ đó là bổn phận: “Hành động phước đức đầu tiên của một vị vua là trừng phạt những kẻ làm trái”, như trường hợp người Ba tư nói: “Nên giết chết cha mẹ đã già và có bệnh”, hoặc như trường hợp có ngoại đạo nói: “Phải giết chết loài rắn, loài bọ cạp, loài ong v.v... vì chúng rất độc hại, phải giết cầm thú, gia súc, chim, trâu để nuôi thân”. Cuối cùng là sự giết hại phát khởi do tà kiến, tức là hành động giết hại của những người cho không có đời sống vị lai và không có gì diệt tận.

2. Sự trộm cắp khởi từ tham, như trường hợp trộm cắp một vật mà

mình ham muốn, trộm cắp để sau đó giành được một vật khác, để có được danh dự và sự kính trọng, để bảo vệ mình hoặc thân hữu.

Sự trộm cắp khởi từ sân vì muốn thỏa mãn lòng thù hận.

Sự trộm cắp khởi từ si: như trường hợp nhà vua dựa vào pháp luật để chiếm giữ của cải của những người làm trái, hoặc như những người Bà-la-môn thường nói: “Tất cả các thứ của Bà-la-môn đều do Đại-phạm-thiên vương ban cho nhưng vì Bà-la-môn bị suy yếu cho nên những người thuộc giai cấp thấp kém mới lấy đi của họ. Vì thế khi Bà-la-môn tước đoạt thì họ chỉ lấy lại những gì thuộc về họ, họ ăn cái của họ, mặc cái của họ và bố thí cái của họ”, tuy nhiên khi chiếm đoạt các thứ thì Bà-la-môn vẫn có ý tưởng đó là của cải của người khác. Loại trộm cắp do tà kiến khởi cũng là loại sinh từ si.

3. Tà dâm sinh từ tham. Sự gian dâm với vợ người khác, có khi là do tham dục, có khi là để có được danh dự và sự kính trọng, có khi để bảo vệ mình hoặc bạn bè mình.

Tà dâm sinh từ sân là để thỏa mãn lòng thù hận.

Tà dâm sinh từ si: như trường hợp của người Ba-tư v.v... gian dâm với mẹ mình và các phụ nữ bị cấm, trong lễ tế trâu người ta uống nước (theo cách uống của loài trâu), nhai cỏ, hành dâm với mẹ mình, với chị hoặc em mình, với một phụ nữ trong giòng tộc của mình, nơi nào trông thấy những người này thì họ liền tìm đến giao hợp. Có ngoại đạo lại nói: “Phụ nữ giống như cái cối giã gạo, như bông hoa, như trái cây, như thức ăn đã nấu chín, như đường đi, cầu đường, để mọi người chung thọ dụng”.

4 -7. Nói dối và các tội về ngữ khác sinh từ tham và sân, được giải thích giống như ở trên.

Nói dối sinh từ si: như có ngoại đạo luận rằng: “Này nhà vua, nói dối để cười chơi, nói dối với phụ nữ, nói dối ở đám cưới, nói dối khi gặp nguy hiểm chết người, đều không hại gì: người ta nói những trường hợp như thế không phải là tội”, và cuối cùng nói dối là do tà kiến.

Nói lời ly gián và các lời khác sinh từ si, xuất phát từ si.

Hỏi: Các hạnh ác như sự ham muốn, sự tàn ác và tà kiến đều không có gia hạnh thì làm sao có thể nói chúng sinh khởi từ tham v.v...?

Đáp: Vì cả ba loại này đều sinh khởi ngay liền sau ba căn. Khi chúng hiện khởi ngay sau tham tức chúng sinh ra từ tham, đối với hai căn còn lại cũng như vậy.

Trên đây đã giải thích xong các nghiệp đạo bất thiện và sự quan hệ của chúng đối với các căn, tiếp theo là phần nói về các nghiệp đạo

thiện.

Tụng nêu: (Âm Hán)

*Thiện ư tam vị trung
Giai tam thiện căn khởi.*

Dịch nghĩa:

*Thiện ở trong ba vị
Do ba thiện căn khởi.*

(Nghiệp đạo thiện cùng với gia hạnh và hậu khởi đều sinh khởi từ ba thiện căn).

Luận: Các nghiệp đạo thiện, vốn có gia hạnh căn bản và hậu khởi, đều có một tâm thiện làm nhân dẫn sinh (đẳng khởi). Tâm thiện này nhất định tương ứng với ba thiện căn vô tham vô sân, vô si và cũng sinh khởi từ ba căn.

Sự xa lìa gia hạnh của nghiệp đạo bất thiện chính là gia hạnh của nghiệp đạo thiện, sự xa lìa nghiệp căn bản làm thành nghiệp đạo căn bản bất thiện chính là nghiệp đạo căn bản thiện, sự xa lìa hậu khởi của nghiệp đạo bất thiện chính là hậu khởi của nghiệp đạo thiện. Tỷ dụ như trường hợp Cần sách thọ giới. Cụ túc ừ sát-na giới tử bước vào giới đàn, thì lễ với tăng chúng, thưa thỉnh vị thầy trực tiếp giáo huấn (thân giáo sư), cho đến lần tác bạch yết-ma thứ nhất, lần yết-ma thứ hai, thì tất cả đều thuộc về gia hạnh. Vào lúc hoàn tất lần yết-ma thứ ba thì phát sinh một biểu nghiệp và một nghiệp vô biểu, cùng thời với biểu nghiệp này, tạo thành loại nghiệp đạo căn bản. Sau sát-na này, khi người ta thông tri cho vị tân tăng này về các loại y chỉ (tứ y), khi vị tăng này biết được mình đã thọ nhận bốn loại y chỉ, và chừng nào mà chuỗi tương tục các nghiệp vô biểu do nghiệp căn bản tạo thành vẫn còn liên tục, có nghĩa là vị tăng không đánh mất luật nghi biệt giải thoát thì đó chính là hậu khởi.

Hỏi: Ở trên có nói không phải tất cả nghiệp đạo bất thiện đều được tạo thành nhờ vào ba căn, vậy thì những nghiệp đạo nào được tạo thành do loại căn nào?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Sát thô ngữ sân khuể
Cứu cánh giai do sân
Đạo tà hạnh cập tham
Giai do tham cứu cánh
Tà kiến si cứu cánh
Hứa sở dư do tam.*

Dịch nghĩa:

*Sát, thô ngữ, sân nhuế
Cứu cánh đều do sân.
Trộm, tà hạnh và tham
Cứu cánh đều do tham
Tà kiến, si, cứu cánh
Do cả ba bẫy ra.*

(Sự giết hại, lời thô ác, và sự tàn ác đều thành tựu do sân. Sự trộm cắp, tà dâm và sự ham muốn do tham mà thành hình. Tà kiến do si tạo nên. Các nghiệp đạo khác do ba căn).

Luận: Sự giết hại, sự tàn ác, và lời thô ác đều được tạo thành do sân. Chúng chỉ được thành tựu khi có sự hiện khởi của loại tâm coi thường (sự giết hại) (vô sở cố), của loại tâm cực kỳ thô ác (đối với sự tàn ác và lời nói thô ác).

Sự tà dâm, sự ham muốn, sự trộm cắp đều được tạo thành vì tham. “Tà dâm” có nghĩa là hạnh tà thuộc về ái dục.

Tà kiến thành tựu là do ngu si, nhưng phải là loại si thuộc thượng phẩm.

Các nghiệp đạo khác như lời nói dối (hư cấu ngữ), lời nói ly gián lời nói tạp nhạp, như uế đều có thể được tạo thành do tham, sân, hoặc si.

Hỏi: Các nghiệp đạo bất thiện nói trên khởi ở những nơi nào?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Hữu tình cụ danh sắc
Danh thân đẳng xứ khởi.*

Dịch nghĩa:

*Hữu tình cụ, danh sắc
Danh thân v.v... các xứ khởi.*

(Hữu tình, vật thọ dụng, danh sắc danh thân v.v... đều có khởi).

Luận: Các nghiệp đạo vừa được chia thành bốn trường hợp ở trên có ba loại nghiệp đạo, ba loại nghiệp đạo, một loại nghiệp đạo và ba loại nghiệp đạo, sinh khởi theo thứ tự này ở bốn nơi là hữu tình, các vật thọ dụng, danh sắc và danh.

Chúng sinh hữu tình là đối tượng duyên hay là phần vật chất của sự giết hại, sự tàn ác và lời nói nhục mạ sinh khởi, các vật thọ dụng là đối tượng duyên của tà dâm, sự ham muốn và trộm cắp, sinh khởi danh sắc tức năm uẩn, là đối tượng duyên của tà kiến sinh khởi, danh, tức danh thân, là đối tượng duyên của lời nói dối và hai tội khác thuộc về

ngữ sinh khởi.

Hỏi: Nếu một người có ý muốn giết hại người kia nhưng lại chết trước hoặc cùng chết với người kia thì người này có thành tựu nghiệp đạo căn bản không?

Tụng đáp: (Âm Hán)

Câu tử cập tiền tử

Vô căn y biệt cố.

Dịch nghĩa :

Cùng chết và chết trước

Không vì căn y khác.

(Cùng chết hoặc chết trước không vì căn y đã khác).

Luận: Nếu người có ý muốn giết hại chết cùng lúc hoặc chết trước người mà người này có ý giết hại thì không thành tựu nghiệp đạo căn bản.

Đây là lý do tại sao Tỳ-bà-sa nói: “Khi một người đã khởi gia hạnh của sự giết hại thì vào sát-na mà quả của gia hạnh này thành hình, người ấy có thể không bị tội giết hại xúc chạm không? Có thể có trường hợp này, tức khi người có ý muốn giết hại bị chết trước hoặc cùng thời (với người bị giết hại)”. Như vậy, lý do đã quá rõ ràng: chừng nào mà một người lẽ ra đã bị giết vẫn còn sống thì người có ý giết vẫn không bị tội giết hại xúc chạm, và khi người lẽ ra đã bị giết hại bị chết thì người có ý giết hại cũng không bị tội giết xúc chạm nếu người này bị chết cùng lúc hay đã chết trước đó, vì thân là chỗ dựa của sự tạo thành gia hạnh đã đoạn diệt, người có ý muốn giết đã có một thân mới thuộc thân đồng phần khác và thân này không tạo tác một loại gia hạnh như thế, nó không phải là tác nhân và vì thế nó không thể bị tội giết hại xúc chạm.

Hỏi: Khi có nhiều người cùng tập trung lại để giết như trong tranh chấp, những lần đi săn bắn hoặc cướp bóc và nếu một người trong số này gây ra sự giết hại thì người nào sẽ phạm tội giết?

Tụng đáp: (Âm Hán)

Quân đẳng nhược đồng sự

Giai thành như tác giả.

Dịch nghĩa :

Quân và các đồng sự

Đều như người đã làm.

(Quân lính v.v... nếu cùng làm đều có tội giống như người đã giết).

Luận: Khi đã có chung một mục đích thì tất cả đều có tội giống như một người trong số họ đã phạm tội giết, vì tất cả đều khuyến khích lẫn nhau, không phải bằng lời nói, mà bằng sự việc họ đã kết hợp với nhau để giết hại.

Hỏi: Tuy nhiên nếu có người đã phát nguyện không giết hại nhưng bị bức bách phải làm lính thì người này có phạm tội giết hại không?

Đáp: Hiển nhiên là không phạm tội nếu đã phát nguyện: “Ngay cả khi phải cứu lấy mạng mình, tôi cũng sẽ không giết hại một chúng sinh nào”.

Hỏi: Vì những tính chất gì mà một người giết hại, trộm cắp v.v... thành tợ tượng nghiệp đạo?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Sát sinh do cố tư
Tha tợng bất ngộ sát.*

Dịch nghĩa:

*Sát sinh do cố ý
Nghĩ khác không giết lầm.*

(Giết hại là do cố ý. Có suy nghĩ về người khác và không giết lầm).

Luận: Khi một người gây ra hành động giết hại vì suy nghĩ: “Ta phải giết một người như thế”, và đã giết chết chính người đó chứ không phải giết lầm (bất ngộ sát) một người khác thì đó chính là nghiệp đạo giết hại.

Hỏi: Và khi một người giết chết người khác nhưng lại do dự không biết rõ mình đã đánh đập một chúng sinh hữu tình hay đó chỉ là một vật vô tình, đã đánh đập một người như thế hay là một người khác thì đó có phải là tội giết hại không?

Đáp: Chắc chắn phạm tội giết hại. Người này đã có hành động đánh đập, và như vậy có nghĩa là người này đã có tâm coi thường (sự giết hại).

Hỏi: Làm thế nào có thể phạm tội giết hại, tức sự làm đoạn diệt sinh khí (tức phong), khi mà các uẩn đều thuộc sát-na diệt?

Đáp: Khi nói “sinh khí” là có ý chỉ cho một loại gió mà sự tồn tại của nó phụ thuộc vào thân và tâm. Loại sinh khí này nếu người phạm tội giết làm cho nó đứt đoạn tức cũng giống như thổi tắt một ngọn đèn hoặc chấm dứt một tiếng chuông, có nghĩa là làm cho chúng không còn tiếp tục sinh khởi trở lại.

Hoặc nói sinh khí là chỉ cho mạng căn. Khi một người làm chướng

ngại sự sinh khởi thuộc sát-na kế tiếp của mạng căn, tức đã làm cho nó đứt đoạn, thì người này bị tội giết hại xúc chạm.

Hỏi: Tuy nhiên “mạng căn” mà các ông nói đến ở trên là thuộc về ai? Và khi nói “nếu không còn thọ mạng tức phải chết” là nhằm chỉ cho người nào?

Đáp: Ý nghĩa đích thực của nhóm từ “thuộc về ai? Cho người nào?” sẽ được bàn đến ở chương Phá Ngã. Bây giờ chúng ta hãy tìm hiểu lời dạy của Đức Thế Tôn: “Khi thọ mạng, hơi ấm (noãn) và thức rời khỏi thân thì thân sẽ sụp đổ giống như một khúc gỗ không còn tri giác”. Như vậy, nói “sống” là nhằm chỉ cho thân, khi mà thân vẫn còn có các căn, và nói “chết” là cũng nhằm chỉ cho thân, khi mà thân đã không còn các căn.

Theo phái Ly hệ, nếu đã giết hại thì dù không biết, không muốn người tạo tác vẫn phạm tội, cũng giống đã chạm phải lửa thì phải bị bỏng.

Nếu nói như vậy thì khi vô tình nhìn thấy hoặc đụng phải vợ của người khác cũng có tội, người cạo đầu cho những người thuộc phái Ly hệ cũng có tội, sư phụ của phái Ly hệ cũng có tội vì đã khuyến khích mọi người tu khổ hạnh, và những người cúng dường thức ăn khiến cho một người nào đó thuộc phái Ly hệ bị đau bụng hay tử vong cũng có tội, người mẹ và bào thai vì là nhân của sự khổ não cho nhau cũng có tội, người bị người khác giết cũng có tội vì người này vốn là đối tượng duyên trong tương quan với hành động giết hại của người kia, cũng giống như lửa đốt cháy nơi nương tựa của nó. Trái lại, người sai khiến người khác giết hại sẽ không có tội vì nếu sai khiến người khác chạm vào lửa thì bản thân mình không hề bị bỏng. Và vì những người thuộc phái này không kể đến ý định (của sự giết hại) cho nên gỗ và các thứ khác cho dù là vật vô tri vẫn phải phạm tội khi một ngôi nhà bị đổ và làm thương vong chúng sinh hữu tình. Nếu muốn tránh các hệ quả trên, phái Ly hệ cần biết chỉ đưa ra một tỷ dụ về lửa mà không kèm thêm một luận chứng nào nữa thì không thể bảo vệ được chủ trương của mình.

Tụng nói: (Âm Hán)

Bất dữ thủ tha vật

Lực thiết thủ thuộc kỷ.

Dịch nghĩa:

Vật chẳng cho mà lấy

Cưỡng trộm làm của mình

(Nếu lấy vật mà người khác không cho tức đã cưỡng ép hoặc lén

lút lấy làm của mình).

Luận: Tính chất “với điều kiện là không có sự nhầm lẫn” được nói đến ở trên được áp dụng cho tất cả các trường hợp vì thế không cần nhắc lại ở đây.

Nếu cưỡng ép hoặc lén lút lấy làm của mình những gì thuộc về sở hữu của người khác và không nhầm lẫn người khác với người mà ta muốn lấy trộm, với người mà ta muốn tước đoạt thì đó chính thành tựu nghiệp đạo trộm cắp.

Trộm cắp bảo tháp tức là lấy đi một vật mà Đức Phật đã không có ý ban cho: vì lúc nhập Niết-bàn, Đức Thế Tôn đã thừa nhận tất cả các thứ cúng dường cho bảo tháp đều thuộc của riêng. Có luận sư nói chỉ phạm tội khi lấy nếu không có sự cho phép của người giữ tháp.

Khi lấy một vật không có chủ, không có sự cho phép của người chủ một xứ.

Khi lấy vật dụng, y bát v.v... của một vị tăng quá cố, tức lấy những gì mà chúng Tăng thuộc trú xứ đó không cho phép đối với trường hợp đã tác bạch yết-ma, hoặc yết ma chưa thành hoặc lấy những gì mà tất cả đệ tử của Phật không cho phép thì đều thành tựu nghiệp đạo trộm cắp.

Tụng nêu: (Âm Hán)

*Dục hạnh tà tứ chủng
Hành sở bất ưng hành.*

Dịch nghĩa:

*Dục tà hạnh bốn thứ
Làm điều không nên làm.*

(Bốn loại hạnh tà là có hành động dâm dục không thích hợp).

Luận: Bốn loại hạnh tà là: 1. Hành dâm với một phụ nữ bị cấm, với vợ của người khác, với mẹ mình, với con gái mình, với cha mẹ vợ hoặc cha mẹ chồng; 2. Hành dâm với vợ mình theo một cách thức không bình thường; 3. Ở những nơi không phù hợp, như một nơi lộ liễu, ở tự miếu, ở nơi hoang mạc; 4. Vào lúc không thích hợp, như khi người phụ nữ đang mang thai, cho con bú, khi đã thọ trì trai giới. Có ý kiến cho chỉ phạm tội khi nào người chồng đã đồng ý để cho vợ mình thọ trì trai giới.

Giống như trong trường hợp của sự giết hại, tính chất “với điều kiện không bị nhầm lẫn” cũng được áp dụng đối với hạnh tà, có nghĩa là vẫn không tạo thành nghiệp đạo nếu hành dâm với vợ của người khác nhưng vẫn tưởng đó là vợ mình, hoặc ngược lại.

Tuy nhiên đối với trường hợp nếu có người tưởng lầm vợ của

người khác là vợ của một người nào đó mà hành tà hạnh thì có tạo thành nghiệp đạo hay không? Vẫn có những ý kiến trái ngược nhau. Có người cho rằng vẫn có nghiệp đạo vì chỉ cần “là vợ của người khác” tức cũng đủ để làm đối tượng duyên cho gia hạnh của loại nghiệp này, và cũng vì người này đang hưởng dụng vợ của người khác. Nhưng có người lại cho rằng không có nghiệp đạo vì đối tượng duyên của gia hạnh không phải là đối tượng duyên của sự hưởng dụng, cũng giống như trường hợp giết lầm người.

Hỏi: Trong trường hợp hành dâm với Bí-sô ni có phạm tà dâm không?

Đáp: Về tội này thì chính người chủ của một nước cũng đã không thể tha thứ. Ngay chính bản thân người chủ của một nước còn bị cấm hành dâm khi vợ mình đang thọ trì trai giới huống hồ là đối với hàng xuất gia.

Hỏi: Hành dâm với đồng nữ có tạo thành nghiệp đạo không?

Đáp: Nếu đồng nữ đã hứa hôn thì phạm tội với người mà đồng nữ đã đính hôn, nếu chưa hứa hôn thì đắc tội với người bảo quản đồng nữ này, nếu đồng nữ này không có người bảo quản thì đắc tội với nhà vua.

Tụng nêu: (Âm Hán)

*Nhiễm dị tưởng phát ngôn
Giải nghĩa hư cuống ngữ.*

Dịch nghĩa:

*Phát ngôn nhiễm dị tưởng
Lời giải nghĩa hư dối.*

(Do tâm nhiễm, tưởng dị mà phát ngôn và người khác hiểu được tức thành hư cuống ngữ).

Luận: Nói dối là lời nói được nói ra mang một chủ ý khác (dị tưởng) với ý nghĩa được diễn tả. Đối với người nghe hiểu được ý nghĩa này thì thành tựu nghiệp đạo nói dối. Nếu người nghe không hiểu thì lời nói này trở thành lời nói tạp nhạp, như bản (tạp ược ngữ).

Hỏi: Có khi lời nói dối được tạo thành do nhiều tiếng, như vậy tiếng nào thuộc về nghiệp đạo và tiếng nào thuộc lời dối trá?

Đáp: Tiếng cuối cùng chính là nghiệp biểu và có nghiệp vô biểu đi kèm, hoặc là tiếng mà người nghe đã dựa vào đó để hiểu nghĩa). Các tiếng trước đó đều là gia hạnh của tội nói dối.

Hỏi: Nói “hiểu nghĩa” là thế nào? Có phải đó chính là thời điểm mà người nghe hiểu được ý nghĩa hay đó chính là bản thân người nghe

có khả năng hiểu được ý nghĩa? Trong trường hợp đầu, các ông phải thừa nhận nghiệp đạo sinh khởi khi người nghe hiểu được nghĩa, và rồi nghiệp đạo chỉ là nghiệp vô biểu vì người nghe hiểu được ý nghĩa nhờ vào ý thức mà ý thức thì đi liền sau nhĩ thức, và biểu nghiệp, tức ngữ nghiệp, đã bị diệt cùng thời với nhĩ thức. Trong trường hợp sau thì không gặp phải vấn đề trên, nhưng nếu nói bản thân người nghe “có khả năng hiểu được ý nghĩa” thì điều này có nghĩa là gì?

Đáp: Nói “có khả năng hiểu được ý nghĩa” là chỉ cho người biết được ngôn ngữ này và từ đó đã sinh khởi nhĩ thức.

Luận chủ: Cần phải diễn dịch đoạn văn trên như thế nào đó để khỏi bị chỉ trích. Kinh dạy có mười sáu “cách nói”: Tám cách bất thiện (phi Thánh ngôn) là không thấy nhưng nói thấy, không nghe, không biết, không cảm nhận nhưng nói có nghe, có biết, có cảm nhận, có thấy nhưng nói không thấy, có nghe, biết, cảm nhận nhưng nói không nghe, không biết, không cảm nhận. Tám cách thuộc thiện (Thánh ngôn) là không thấy nói không thấy v.v...

Hỏi: Ý nghĩa của các từ “được thấy”, “được nghe”, “được biết”, “được cảm nhận” là gì?

Tụng đáp: (Âm Hán)

*Do nhãn nhĩ ý thức
Tịnh dư tam sở chứng
Như thứ đệ danh vi
Sở kiến văn tri giác.*

Dịch nghĩa:

*Do nhãn, nhĩ, ý thức
Và ba cái sở chứng.
Như thứ tự tên gọi
Là kiến, văn, giác tri.*

(Do nhãn thức, nhĩ thức, ý thức mà ba loại được chúng nhận biết. Theo thứ tự trên gọi là cái được thấy, nghe, biết và cảm nhận).

Luận: Cái (cảnh) được nhận biết do nhãn thức gọi là “cái được thấy”... cho đến cái được nhận biết do tị thức, thiệt thức và thân thức đều có tên là “cái được cảm nhận” (giác).

Hỏi: Làm thế nào chứng minh được giải thích sau cùng này?

Tỳ-bà-sa: Mùi, vị và sự xúc chạm vì có tánh vô ký cho nên cũng giống như người chết, đây là lý do tại sao chúng được gọi là “được cảm nhận”.

Kinh bộ: Căn cứ vào đâu các ông cho nhóm từ “được cảm nhận”

là để chỉ cho những gì được ngửi, nếm và xúc chạm?

Tỳ-bà-sa: Dựa vào các lý chứng của kinh. Khế kinh nói: “Phật bảo Đại Mẫu: Ý người thế nào? Các cảnh sắc mà người đã không nhìn thấy, chưa từng nhìn thấy, hiện không nhìn thấy, và không nghĩ: “Ta sẽ nhìn thấy”, thì đối với chúng người có sự mong cầu, có tà dục, có tham lam, có tình cảm, có chấp trước, có ham muốn, có tìm kiếm không? Bạch Đại đức, không có. Các âm thanh mà người đã không nghe.... các pháp mà ý của người không biết đến thì người có mong cầu, tìm kiếm chúng không? Bạch Đại đức, không có. Nay Đại mẫu, đối với những gì được nhìn thấy, người chỉ nghĩ: “Đây là cái được nhìn thấy”, đối với những gì được nghe, được biết, được cảm nhận, ông chỉ nghĩ: “Đây là cái được nghe, được biết, được cảm nhận”.

Những từ “được thấy”, “được nghe”, “được biết” chắc chắn được dùng để chỉ cho các cảnh sắc, các âm thanh, các pháp, và như vậy từ “được cảm nhận” là để chỉ cho các mùi, vị và sự xúc chạm.

Hơn nữa, nếu không phải như vậy thì những kinh nghiệm có liên quan đến mùi, vị và sự xúc chạm lẽ ra sẽ không được nói đến trong lời dạy của Đức Thế Tôn. Đây gọi là lý chứng.

Kinh bộ: Kinh này không có ý nghĩa như các ông vừa giải thích và cũng không xác nhận cách diễn dịch của các ông về từ “được cảm nhận” là đúng. Đức Thế Tôn không có ý đưa ra một định nghĩa về các tính chất của bốn loại kinh nghiệm” đã thấy, đã nghe, đã biết, đã cảm nhận”. Ý của Đức Thế Tôn rất rõ ràng: “Trong bốn loại kinh nghiệm thấy, nghe v.v... trong đó mỗi loại đều có sáu cảnh nơi đối tượng duyên là sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp, ông sẽ chỉ biết được loại kinh nghiệm này đã xảy ra, rằng ông đã nhìn thấy, đã nghe được v.v... mà không có thể gán ghép thêm cho cảnh nơi đối tượng duyên bất kỳ tính chất nào về sự đáng ưa hay không đáng ưa”.

Hỏi: Nếu vậy, “được thấy”, “được nghe” v.v... có những tính chất gì?

Đáp: Có luận sư Kinh bộ: Nói những gì được tri nhận trực tiếp (hiện sở chứng cảnh) do năm căn thân chính là “cái được thấy” (sở kiến), những gì chúng ta biết được nhờ sự truyền đạt của người khác chính là “cái được nghe”, những gì thu nhận được nhờ vào khả năng suy lý chấp nhận chính là “cái được cảm nhận”, những gì được nhận biết do ý căn chính là “cái được biết”. Như vậy năm loại cảnh: sắc, thanh, hương, vị, xúc là cái được thấy, được nghe, được cảm nhận, được biết, loại thứ sáu pháp không phải là cái được thấy (trừ kiến). Đó là bốn

loại kinh nghiệm mà kinh muốn nói đến, vì thế thật sai lầm khi cho “cái được cảm nhận” không nhằm chỉ cho hương, vị, xúc, và loại kinh nghiệm về các đối tượng này đã không được kinh đề cập đến. Từ đó thấy lập luận trên đây của Tỳ-bà-sa không thể đứng vững.

Các luận sư khác (Quỹ phạm sư) nói cái được thấy là những gì được nhận biết vì nhãn căn, cái được nghe là những gì được nhận biết do nhĩ căn và nghe được từ người khác, cái được cảm nhận là những gì tự mình thu nhận được, cái được biết là những gì tự thân nhận biết (tự nội sở thọ) (lạc thọ v.v...), những gì biết được khi nhập định (tự sở chứng).

Hỏi: Nếu do thân biểu hiện nghĩa của mình tưởng khác đối gạt người, không phải do ngữ biểu đạt, thì có thành nghiệp đạo nói dối không?

Đáp: Vẫn phạm vì Bản luận có nói: “Một người có thể bị tội giết hại xúc chạm nếu thân không tạo tác, không có hành động tấn công không? Vẫn phạm nếu có phát ngữ. Có thể bị tội nói dối xúc chạm nếu không phát ngữ không? Vẫn phạm nếu có động thân. Có thể bị tội giết hại, tội nói dối xúc chạm mặc dù không động thân cũng không phát ngữ không? Vẫn phạm, như trong trường hợp tiên nhân nổi sân tức phạm tội giết hại, hoặc một Bì-sô giữ im lặng vào lúc bố-tát tức phạm tội nói dối”.

Hỏi: Làm thế nào tiên nhân hay Bì-sô có thể tạo thành loại nghiệp đạo vừa thuộc biểu vừa thuộc vô biểu? Cả tiên nhân và Bì-sô đều không động thân cũng không phát ngữ tức sẽ không có nghiệp biểu, và nghiệp vô biểu hệ thuộc Dục giới sẽ không thể phát khởi nếu không có biểu nghiệp.

Đáp: Đây là vấn nạn cần được (các luận sư Tỳ-bà-sa) giải thích tường tận.

Trên đây đã nói về tội nói dối, tiếp theo là phần bàn về ba tội còn lại của ngữ nghiệp.

Tụng nêu: (Âm Hán)

*Nhiễm tâm hoại tha ngữ
Thuyết danh ly gián ngữ
Phi ái thô ác ngữ
Chư nhiễm tạp uế ngữ
Dư thuyết dị tam nhiễm
Nịnh ca tà luận đẳng.*

Dịch nghĩa:

Nhiễm tâm nói hại người

*Là lời nói ly gián
Lời thô ác, chẳng yêu
Các lời nhiễm tạp uế.
Còn nữa, khác ba nhiễm
Như nịnh, ca, tà luận ...*

(Do tâm nhiễm ô muốn chia rẽ mà nói lời hại người là lời nói ly gián. Nói lời chẳng dịu dàng, đáng yêu mến là lời nói thô ác. Nói lời tà nhiễm gọi là nói tạp nhạp, như bản. Có thuyết cho đó lời nói nhiễm ô khác với ba loại trước. Như lời khoe khoang, ca hát, tà luận v.v...).

Luận: Những lời nói xuất phát từ tâm nhiễm ô nhằm chia rẽ người khác, gây sự xích mích, đều là lời nói ly gián. Những điều kiện cần thiết để tạo thành nghiệp đạo như “người nghe hiểu được, và không có sự nhầm lẫn” được nói ở trên vẫn được áp dụng ở đây.

Lời nói xuất phát từ tâm nhiễm ô, chẳng yêu thích, muốn chê bai người khác, cố ý nói cho người khác nghe và người khác khi nghe có thể hiểu được chính là lời nói thô ác.

Tụng văn nói “mọi thứ nhiễm ô” (chư nhiễm) nhưng thật ra chỉ để chỉ cho ngữ nghiệp. Tất cả lời nói nhiễm ô đều thuộc loại lời nói tạp nhạp, như bản. Những ai nói lời như thế đều là “người nói lời tạp nhạp như bản”, vì thế tụng văn đã dùng chữ tạp uế ngữ.

Có luận sư khác nói lời nói bậy bạ là loại lời nói nhiễm ô khác biệt với ba loại trước. Tuy lời nói dối, lời nói ly gián, lời nói thô ác cũng là lời nói nhiễm ô, nhưng lời nói tạp nhạp như bản (ỷ ngữ) với phạm vi rộng lớn, với tất cả sự nhiễm ô từ tâm phát ra ngôn từ. Chẳng hạn như có vị Bí-sô nói lời khoe khoang nịnh nọt chỉ để nhận được vật phẩm cúng dường v.v..., những lời nói vô bổ như ca hát ngâm vịnh, chỉ vì để làm vừa lòng người khác, như trường hợp vì tin theo tà thuyết-mà đọc tụng các loại kinh sách không có chánh kiến, ngoài ra, cũng phải kể thêm các trường hợp khác như những lời ta thán, những lời nói đùa, tất cả những lời lẽ xuất phát từ tâm nhiễm ô nhưng không phải là lời nói dối, có ác ý hoặc để hạ nhục người khác.

Hỏi: Vào thời của Chuyển luân vương cũng có ca hát ngâm vịnh nhưng tại sao không gọi đó là “lời lẽ tạp nhạp, như bản” (ỷ ngữ)?

Đáp: Vì vào thời đó nội dung của các bài ca đều có cảm hứng từ loại tâm xuất ly chứ không phải vì nhục dục. Hoặc có ý kiến cho vẫn có loại “lời nói tạp nhạp, như bản” vào thời đó vì người ta vẫn có nói lời cầu hôn v.v..., tuy nhiên những lời lẽ này nhẹ nhàng không tạo thành nghiệp đạo thuộc loại ấy.

Tụng nêu: (Âm Hán)

*Ác dục tha tài tham Tăng hữu tình sân
khuể Bác thiện ác đẳng kiến
Danh tà kiến nghiệp đạo.*

Dịch nghĩa:

*Ác dục tham của người
Sân giận ghét người khác
Sinh kiến chấp thiện ác...
Là nghiệp đạo tà kiến.*

(Ham muốn tài vật người khác là nghiệp đạo tham. Chúng sinh thù ghét nhau là nghiệp đạo sân. Cho rằng không có thiện ác v.v... là nghiệp đạo tà kiến).

Luận: Muốn chiếm đoạt tài sản của người khác một cách phi lý, một cách không đúng đắn, bằng quyền lực hoặc lén lút, được gọi là nghiệp đạo tham. Có ý kiến cho rằng tất cả các loại ái thuộc Dục giới đều gọi là nghiệp đạo tham, vì kinh Ngũ Cáo khi nói về tham dục có viết: “Sau khi đoạn trừ tham...”.

Tuy nhiên có luận sư nói Chuyển luân vương và những người thuộc châu Bắc-câu-lô không phạm nghiệp đạo tham mặc dù họ chưa lìa bỏ ái thuộc Dục giới. Vì thế có thể thừa nhận tất cả các loại ái thuộc Dục giới đều là tham nhưng không phải tất cả các loại tham đều là nghiệp đạo, vì chỉ có những hạnh ác thô hiển nhất mới được xem như thuộc về nghiệp đạo.

Nghiệp đạo sân là sự thù hận của chúng sinh. Chính vì sự thù hận này mà người ta có ý muốn làm hại người khác.

Nghiệp đạo tà kiến là loại ý kiến cho rằng không có thiện cũng không có ác, như kinh nói: “Không có bố thí, tế tự, hạnh diêu, hạnh ác..., không có A-la-hán trên thế gian”. Như đoạn kinh trên cho thấy, tà kiến bao gồm cả sự phủ nhận về nghiệp, quả, Thánh giả, tuy nhiên văn tụng chỉ trưng dẫn trường hợp đầu tiên.

